ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH QUẢNG NAM	CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM Độc lập - Tự do - Hạnh phúc
Số: 145/BC-UBND	*Quảng Nam, ngày 16 tháng 7 năm 2024*

BÁO CÁO

Đánh giá khái quát kết quả phát triển kinh tế - xã hội giai đoạn 2020-2025; một số mô hình, cách làm tốt, sáng tạo thời gian qua và định hướng phát triển giai đoạn 2025-2030 tỉnh Quảng Nam

(Tài liệu phục vụ các hội nghị của Tiểu ban Kinh tế - Xã hội tại các Vùng)

I. ĐÁNH GIÁ KHÁI QUÁT VỀ TÌNH HÌNH THỰC HIỆN NHIỆM VỤ PHÁT TRIỂN KINH TẾ - XÃ HỘI GIAI ĐOẠN 2020-2025

1. Kết quả đạt được giai đoạn 2021 - 2023

Giai đoạn 2021 - 2023, trong bối cảnh khó khăn chung của tình hình thế giới, khu vực và đất nước; việc phát triển kinh tế - xã hội (KT-XH) của tỉnh cũng đối mặt với nhiều khó khăn, thách thức; hầu hết các ngành, lĩnh vực đều bị ảnh hưởng nghiêm trọng. Tốc độ tăng trưởng GRDP (giá so sánh 2010) bình quân 03 năm (2021 - 2023) tăng 1,47%; cách xa so với chỉ tiêu theo Nghị quyết 05 năm (2020 - 2025)[1]. Quy mô nền kinh tế (giá hiện hành) năm 2023 gần 112,5 nghìn tỷ đồng, giảm 3,2 nghìn tỷ đồng so với năm 2022. Cơ cấu kinh tế khu vực nông - lâm - thủy sản 14,8%; công nghiệp và xây dựng 29,8%[2]; thuế sản phẩm trừ trợ cấp 19,8%. GRDP bình quân đầu người năm 2023 khoảng 74 triệu đồng, tăng 8,6 triệu đồng so với năm 2020; thu nhập bình quân đầu người 48 triệu đồng/người/năm, tăng bình quân giai đoạn 2021 - 2023 khoảng 4,8%, chậm hơn 2,2 lần so với tốc độ tăng bình quân giai đoạn 2018 - 2020 (10,6%). Hoạt động thương mại - dịch vụ phục hồi sau dịch và từng bước phát triển ổn định, tăng trưởng bình quân giai đoạn 2021 - 2023 gần 4,1%/năm. Tổng mức bán lẻ hàng hóa và dịch vụ tiêu dùng giai đoạn 2021 - 2023 đạt 192 nghìn tỷ đồng, tăng bình quân 10,8%/năm. Tổng giá trị xuất, nhập khẩu giai đoạn 2021 - 2023 hơn 12,7 tỷ USD, tăng bình quân hơn 5,1%/năm[3]. Du lịch từng bước ổn định và phát triển khá. Tổng lượt khách tham quan du lịch giai đoạn 2021 - 2023 hơn 12,7 triệu lượt[4].

Nông, lâm, thủy sản tăng trưởng ổn định, có những điểm khởi sắc mới, bộ mặt nông thôn thay đổi đáng kể, đời sống vật chất, tinh thần của người dân ngày

---

[1] Chỉ tiêu tăng trưởng GRDP theo Nghị quyết XXII tỉnh Quảng Nam đề ra 7,5 - 8%/năm. Trong đó, năm 2021 tăng trưởng 3,03%; năm 2022 tăng trưởng 10,3%; năm 2023 giảm 8,25%, kéo tốc độ tăng trưởng bình quân giai đoạn 2021 - 2023 giảm.

[2] Trong đó, công nghiệp chiếm 24%; dịch vụ chiếm 35,5%.

[3] Trong đó, xuất khẩu gần 5,5 tỷ USD, tăng bình quân 7,8%/năm; nhập khẩu 7,3 tỷ USD, tăng 3%/năm.

[4] Trong đó, năm 2023, Quảng Nam đón 7,5 triệu lượt khách du lịch, tăng 1,6 lần so với năm 2022.

càng được nâng cao. Giai đoạn 2021 - 2023, tốc độ tăng trưởng bình quân ngành nông, lâm, thủy sản hơn 3,3%/năm. Cơ cấu trong ngành nông, lâm, thủy sản chuyển dịch theo hướng tích cực; giá trị ngành nông nghiệp giảm dần, từ 60% năm 2020 giảm còn 58,3% năm 2023; lâm nghiệp tăng từ 10,9% năm 2020 lên 11,4%; thủy sản tăng từ 29% lên 30,3% năm 2023. Chăn nuôi phát triển tốt nhờ kiểm soát được dịch bệnh[5]. Phương thức chăn nuôi theo hướng tập trung, quy mô trang trại phát triển; đến năm 2023, trên địa bàn tỉnh có 402 trang trại[6], tăng 183 trang trại so với năm 2020. Tổng đàn chăn nuôi quy mô trang trại chiếm 19,43% tổng đàn vật nuôi toàn tỉnh. Tỷ lệ che phủ rừng liên tục tăng qua các năm, từ 55,1% năm 2020 lên 58,82% năm 2023; bình quân giai đoạn 2021 - 2023 tăng khoảng 2,2%/năm. Diện tích rừng trồng mới tập trung giai đoạn 2021 - 2023 khoảng 85 nghìn ha, tăng bình quân 20,9 nghìn ha/năm. Nuôi trồng thủy sản tập trung theo hướng ứng dụng công nghệ cao, nuôi thâm canh nhằm tăng năng suất, chất lượng và an toàn. Sản lượng thủy sản tăng bình quân giai đoạn 2021 - 2023 khoảng 1,3%/năm.

Chương trình mục tiêu quốc gia về xây dựng nông thôn mới (NTM) được thực hiện đồng bộ và đạt nhiều kết quả. Đến cuối năm 2023, có 123 xã đạt chuẩn NTM, tăng 11 xã so với cuối năm 2020, đạt tỷ lệ 63,73%; có 15 xã được công nhận đạt chuẩn NTM nâng cao, 01 xã được công nhận đạt chuẩn NTM kiểu mẫu; 04 đơn vị cấp huyện được công nhận đạt chuẩn NTM.

Tổng thu ngân sách nhà nước trên địa bàn tỉnh tăng bình quân giai đoạn 2021 - 2023 gần 3,3%/năm; trong đó, thu nội địa tăng khoảng 6%/năm, chưa đạt chỉ tiêu Nghị quyết Đại hội XXII đề ra[7].

Song song với phát triển kinh tế, tỉnh luôn chú trọng nhiệm vụ phát triển các lĩnh vực văn hóa - xã hội; công tác quản lý và sử dụng hiệu quả tài nguyên, bảo vệ môi trường, nhất là ở các khu, cụm công nghiệp[8]; chủ động ứng phó với biến đổi khí hậu và phòng, chống thiên tai. Giáo dục và đào tạo phát triển toàn diện cả quy mô và chất lượng, tỷ lệ trường đạt chuẩn quốc gia được nâng lên, đến cuối năm 2023 có 547 trường học đạt chuẩn, chiếm tỷ lệ 75,9%[9]; giáo dục miền núi, vùng đồng bào dân tộc được quan tâm; thực hiện chuyển đổi số[10], các giải pháp tổ chức dạy học linh hoạt, thích ứng an toàn với dịch bệnh Covid-19; công tác giáo dục đạo đức, kỹ năng sống được quan tâm. Đội ngũ nhà giáo và

---

[5] Năm 2023, đàn bò trên 177 nghìn con, tăng 2% so với năm 2022; đàn trâu đạt 58,8 nghìn con, giảm 1,7%, đàn lợn trên 330 nghìn con, tăng 2,6% so cùng kỳ năm 2022, gia cầm 8,8 triệu con, tăng 4,1% so với cùng kỳ.

[6] Gồm 45 trang trại nuôi bò, 174 trang trại nuôi lợn, 183 trang trại nuôi gia cầm.

[7] Chỉ tiêu Nghị quyết XXII đề ra thu ngân sách tăng bình quân 9%/năm; trong đó, thu nội địa tăng 10%, xuất, nhập khẩu tăng 4%.

[8] Đến nay, trên địa bàn tỉnh có 07/08 khu công nghiệp đi vào hoạt động có hồ sơ môi trường và có hệ thống thu gom, xử lý nước thải tập trung đạt chuẩn, đạt tỷ lệ 85,71%. Hiện có 20/44 cụm công nghiệp đang hoạt động, đáp ứng yêu cầu về môi trường, đạt tỷ lệ 45,45%.

[9] Trong đó: Mầm non 179 trường, tỷ lệ 62,4% (trong đó, có 79 trường đạt mức 2); tiểu học 186 trường, tỷ lệ 81,9% (trong đó, có 85 trường đạt mức 2); THCS 158 trường, tỷ lệ 72,5% (trong đó, có 131 trường đạt mức 2); THPT 24 trường, tỷ lệ 45,3% (trong đó, có 01 trường đạt mức 2).

[10] Đã đưa vào vận hành hệ thống IOC edu (Hệ thống giáo dục thông minh), các phần mềm quản lý giáo dục, hệ thống tuyển sinh đầu cấp, dạy học trực tuyến.

cán bộ quản lý giáo dục đáp ứng được yêu cầu; chất lượng giáo dục có nhiều khởi sắc, nhất là chất lượng giáo dục mũi nhọn[11]. Tỷ lệ tốt nghiệp THPT đạt kết quả khá cao[12]. Duy trì và nâng cao chất lượng phổ cập giáo dục mầm non cho trẻ em 5 tuổi, tiểu học và trung học cơ sở. Cơ sở vật chất, trang thiết bị trường học cơ bản đáp ứng được nhu cầu dạy học, chú trọng đầu tư, nâng cao chất lượng giáo dục cho khu vực miền núi, vùng khó khăn.

Công tác quản lý, bảo tồn và phát huy giá trị di sản văn hóa trên địa bàn tỉnh được quan tâm đầu tư thực hiện có hiệu quả. Giai đoạn 2021 - 2023, đã xây dựng chương trình, kế hoạch phát triển các ngành công nghiệp văn hóa, góp phần nâng cao nhận thức của các doanh nghiệp trong việc đầu tư trên lĩnh vực văn hóa; xây dựng cơ chế, chính sách ưu đãi kêu gọi các tổ chức, doanh nghiệp đầu tư phát triển các ngành công nghiệp văn hóa phù hợp với lợi thế, tiềm năng của tỉnh[13]. Tham gia và tổ chức nhiều sự kiện văn hóa, hội nghị, hội thảo quốc tế, tổ chức các hoạt động giới thiệu, quảng bá hình ảnh văn hóa, con người Quảng Nam đến bạn bè quốc tế nhân các sự kiện văn hóa, thể thao, du lịch trong nước và nước ngoài.

Hoạt động khoa học và công nghệ đạt kết quả trên một số lĩnh vực[14]; xác lập, bảo hộ, quản lý và phát triển quyền sở hữu trí tuệ, xây dựng thương hiệu cho sản phẩm hàng hóa đặc trưng, làng nghề truyền thống, chủ lực của tỉnh. Chú trọng gắn khoa học và công nghệ với sản xuất, kinh doanh, đưa nhiều đề tài nghiên cứu ứng dụng tiến bộ khoa học, kỹ thuật vào sản xuất mang lại kết quả cao. Việc xây dựng chính quyền điện tử đạt kết quả bước đầu. Đến nay, các cơ quan, đơn vị, địa phương trên địa bàn tỉnh đều ban hành kế hoạch chuyển đổi số của từng ngành, địa phương hằng năm, giai đoạn và triển khai thực hiện đạt kết quả nhất định[15]. Kết nối và cung cấp, công khai 1.371 dịch vụ công trực tuyến trên Cổng dịch vụ công quốc gia, phục vụ nhu cầu giải quyết thủ tục hành chính của các tổ chức, cá nhân trong và ngoài tỉnh. Hạ tầng mạng lưới viễn thông, Internet, hạ tầng công nghệ thông tin được đảm bảo; hệ thống Trung tâm tích hợp dữ liệu tỉnh ổn định, thông suốt, đáp ứng yêu cầu về triển khai các hệ thống thông tin, cơ sở dữ liệu dùng chung của tỉnh.

Công tác an sinh xã hội, đền ơn đáp nghĩa được quan tâm; công tác giảm nghèo đạt được những kết quả quan trọng. Đến cuối năm 2023, toàn tỉnh còn 24.669 hộ nghèo, tỷ lệ 5,57% (theo chuẩn nghèo giai đoạn 2022 - 2025). Thực hiện tốt công tác đền ơn đáp nghĩa, chăm lo cho các gia đình chính sách. Triển khai

---

[11] Năm 2023, Quảng Nam xếp thứ 22/68 đơn vị dự thi học sinh giỏi toàn quốc; dẫn đầu các tỉnh khu vực miền Trung - Tây Nguyên với 44 giải.

[12] Năm 2021, tỷ lệ đỗ tốt nghiệp THPT là 97,3%, năm 2022 hơn 97,84%, năm 2023 đạt 98%.

[13] Như: Du lịch văn hóa, nghệ thuật biểu diễn, điện ảnh.

[14] Nhất là công tác quản lý tiêu chuẩn - đo lường - chất lượng.

[15] 100% cơ quan, đơn vị, địa phương đã thành lập ban chỉ đạo, tổ giúp việc chuyển đổi số và triển khai đồng bộ nội dung chuyển đổi số; phê duyệt nội dung duy trì, cập nhật kiến trúc chính quyền điện tử tỉnh Quảng Nam 2.0; triển khai thực hiện tốt hệ thống Nền tảng tích hợp, chia sẻ dữ liệu của tỉnh (LGSP), hệ thống quản lý và điều hành công việc tỉnh (Q-Office), Trung tâm thông tin chỉ đạo, điều hành của UBND tỉnh (IOC), các cơ sở dữ liệu chuyên ngành.

thực hiện tốt chính sách hỗ trợ người có công xây dựng nhà ở theo Nghị quyết số 11/2019/NQ-HĐND và Nghị quyết số 15/2022/NQ-HĐND của HĐND tỉnh[16]. Công tác tìm kiếm, quy tập mộ liệt sĩ được quan tâm thực hiện; các chương trình về xây dựng, cải tạo nghĩa trang, tượng đài, nhà bia anh hùng liệt sĩ được đầu tư, nâng cấp. Thực hiện kịp thời việc phong tặng, truy tặng danh hiệu Bà mẹ Việt Nam Anh hùng và nhận phụng dưỡng các Mẹ Việt Nam Anh hùng còn sống[17].

Công tác y tế, chăm sóc sức khỏe nhân dân ngày càng được cải thiện. Tiếp tục đầu tư trang thiết bị và mở rộng các cơ sở y tế, các bệnh viện tỉnh, trung tâm y tế huyện, các trạm y tế xã; cơ sở vật chất ngày càng được nâng cấp hoàn thiện, đảm bảo chất lượng khám, chữa bệnh và chăm sóc sức khỏe cho người dân và công tác phòng, chống dịch bệnh[18]. Đến năm 2023, có 11,4 bác sĩ/1 vạn dân, tăng 0,2 bác sĩ so với năm 2021; 48,3 giường bệnh/1 vạn dân[19]. Tỷ lệ người dân tham gia bảo hiểm y tế đến cuối năm 2023 đạt 96,1%.

2. Kết quả 6 tháng đầu năm 2024

Tổng sản phẩm trên địa bàn (GRDP) tỉnh tăng 2,7% so với cùng kỳ năm trước[20], xếp vị thứ 26/63 về quy mô GRDP so với 63 tỉnh, thành phố trong cả nước. Quy mô nền kinh tế đạt gần 59 nghìn tỷ đồng (theo giá hiện hành), với cơ cấu GRDP như sau: Khu vực nông, lâm nghiệp và thủy sản chiếm tỷ trọng 16,4%; khu vực công nghiệp - xây dựng chiếm 29,8%; khu vực dịch vụ chiếm 35,2%; thuế sản phẩm trừ trợ cấp sản phẩm chiếm 18,6%[21].

Tốc độ tăng trưởng khu vực công nghiệp - xây dựng tăng 4,7% so với cùng kỳ năm 2023. Riêng trong quý II/2024, ngành công nghiệp có sự phục hồi và tăng trưởng tích cực với mức tăng 14,8%, đây là mức tăng trưởng ấn tượng sau chuỗi thời gian khó khăn kéo dài kể từ đầu năm 2023.

Lĩnh vực thương mại, dịch vụ tăng trưởng khá, hoạt động du lịch diễn ra nhộn nhịp và tiếp tục tăng trưởng nhờ thị trường khách quốc tế phục hồi. Tốc độ tăng trưởng ngành thương mại, dịch vụ tăng 4,4% so với cùng kỳ năm 2023. Tổng mức bán lẻ hàng hóa và doanh thu dịch vụ tiêu dùng đạt 36,7 nghìn tỷ đồng, tăng 10,5% so với cùng kỳ. Tổng lượt khách tham quan, lưu trú du lịch

---

[16] Giai đoạn 2020 - 2022, toàn tỉnh đã thực hiện hỗ trợ xây dựng, sửa chữa 12.421 nhà (trong đó: Xây mới: 3.453 nhà, sửa chữa: 8.968 nhà), kinh phí trên 317,7 tỷ đồng; trong đó, ngân sách tỉnh 272 tỷ đồng, ngân sách cấp huyện trên 45,7 tỷ đồng. Ngoài ra, đã vận động hỗ trợ xây dựng 152 nhà ở đối với người có công với cách mạng từ nguồn huy động, vận động, hỗ trợ của: Quỹ Đền ơn đáp nghĩa Trung ương, Hội Hỗ trợ gia đình liệt sĩ, Đảng ủy Khối các cơ quan Trung ương, thành phố Đà Nẵng, tỉnh Thanh Hóa và các đơn vị, tổ chức khác.

[17] Đến nay, toàn tỉnh có 15.339 Mẹ VNAH, hiện còn sống 300 Mẹ, tất cả các Mẹ còn sống đều đã được các cơ quan, đơn vị trong và ngoài tỉnh nhận phụng dưỡng.

[18] 241/241 xã có trạm y tế/phòng khám đa khoa khu vực, tỷ lệ trạm y tế cấp xã có bác sĩ đạt 36,5%. Toàn tỉnh có 36 bệnh viện gồm: 29 bệnh viện công lập và 07 ngoài công lập do địa phương quản lý và 01 bệnh viện Trung ương, 25 phòng khám đa khoa; có 6.757 giường bệnh.

[19] Chưa tính giường bệnh của trạm Y tế và Trung ương quản lý.

[20] GRDP 6 tháng đầu năm 2023 (theo giá so sánh) 9,5%.

[21] Cơ cấu GRDP 6 tháng đầu năm 2023: Khu vực nông, lâm nghiệp và thủy sản 16,6%; công nghiệp - xây dựng 29,4%; dịch vụ 34,1%; thuế sản phẩm trừ trợ cấp sản phẩm chiếm 19,9%.

đạt 4,6 triệu lượt, tăng 18% so với cùng kỳ; trong đó: Khách quốc tế đạt gần 3,1 triệu lượt, tăng 27% và khách nội địa đạt 1,5 triệu lượt, tăng 4%. Doanh thu du lịch đạt 3.870 tỷ đồng, tăng 11% và thu nhập xã hội từ du lịch đạt 9.095 tỷ đồng.

Ngành nông, lâm nghiệp và thủy sản phát triển toàn diện, ổn định. Tốc độ tăng trưởng toàn ngành tăng 3,2% so với cùng kỳ năm 2023. Tình hình chăn nuôi phát triển ổn định. Tiếp tục thực hiện Đề án trồng 01 tỷ cây xanh giai đoạn 2021 - 2025 theo Chỉ thị số 45/CT-TTg ngày 31/12/2020 và Quyết định số 524/QĐ-TTg ngày 01/4/2021 của Thủ tướng Chính phủ; diện tích rừng trồng mới tập trung đạt trên 4,4 nghìn ha, tăng 5,9%. Tổng sản lượng thủy sản đạt 71.540 tấn, tăng 0,6% so với cùng kỳ năm 2023.

Công tác quản lý, điều hành ngân sách nhà nước, cũng như các chính sách hỗ trợ, tháo gỡ khó khăn cho doanh nghiệp, người dân được tập trung chỉ đạo quyết liệt. Tổng thu ngân sách nhà nước 6 tháng là 12.221 tỷ đồng, đạt 51,8% so với Nghị quyết đề ra (23.600 tỷ đồng), tăng 2,5% so với cùng kỳ; trong đó, thu nội địa là 10.152 tỷ đồng, đạt 50,51% và thu xuất nhập khẩu là 3.224 tỷ đồng, đạt 59%. Tổng chi ngân sách địa phương 6 tháng là 11.114 tỷ đồng, đạt 39% dự toán (31.368 tỷ đồng), tăng 8%; trong đó, chi đầu tư phát triển 5.216 tỷ đồng, đạt 106% và chi thường xuyên 5.861 tỷ đồng, đạt 41%. Tổng kim ngạch hàng hoá xuất nhập khẩu gần 2,1 tỷ USD, tăng 11,2%; gồm kim ngạch xuất khẩu đạt 0,9 tỷ USD, tăng 2,6% và kim ngạch nhập khẩu đạt gần 1,2 tỷ USD, tăng 18,9%.

Tổng vốn đầu tư thực hiện toàn xã hội trên địa bàn tỉnh đạt gần 17,7 nghìn tỷ đồng, tăng 21,3% so với cùng kỳ năm 2023. Kế hoạch vốn đầu tư công năm 2024 sau khi điều chỉnh hơn 7.056,8 tỷ đồng, bằng 82,5% so với kế hoạch năm 2023; đến nay, đã phân bổ cho các ngành, địa phương là 6.486,9 tỷ đồng, đạt 92%. Nguồn vốn đầu tư công năm 2024 được tập trung cho phát triển kết cấu hạ tầng kinh tế - xã hội, nhất là các công trình giao thông quan trọng, liên vùng[22]; dự án lĩnh vực y tế, giáo dục, công nghệ thông tin[23] và lĩnh vực môi trường[24]. Tổ chức thành công Hội nghị công bố Quy hoạch tỉnh Quảng Nam thời kỳ 2021 - 2030, tầm nhìn đến năm 2050[25] và khai mạc Năm phục hồi đa dạng sinh học quốc gia - Quảng Nam 2024. Đây là sự kiện có ý nghĩa quan trọng, thể hiện tầm nhìn chiến lược để tỉnh Quảng Nam khai thác, phát huy tối đa các tiềm

---

[22] Gồm các dự án: Cầu Vân Ly và đường dẫn, Hoàn thiện đường ven biển 129, Liên kết vùng miền Trung tỉnh Quảng Nam, Đường nối từ ĐT.609C đến Quốc lộ 14B, Đường trục chính Tam Hòa nối từ Quốc lộ 1 đến đường Võ Chí Công và ĐT613B).

[23] Gồm các dự án: Đầu tư xây mới, nâng cấp, cải tạo 05 Trung tâm Y tế tuyến huyện; Đầu tư xây mới, nâng cấp, cải tạo và mua sắm trang thiết bị cho 76 trạm y tế tuyến xã, tỉnh Quảng Nam; Bệnh viện đa khoa tỉnh Quảng Nam, hạng mục: Khu điều trị kỹ thuật cao; Trường THPT Lương Thúc Kỳ, Trường THPT Núi Thành; Xây dựng Chính quyền điện tử, Chính quyền số tỉnh Quảng Nam giai đoạn 2021 - 2025.

[24] Gồm các dự án: Nâng cấp, mở rộng khu neo đậu, tránh trú bão cho tàu cá An Hòa kết hợp Cảng cá Tam Quang; Sửa chữa, nâng cấp khu neo đậu tránh trú bão cho tàu cá An Hòa; Hồ Suối Thỏ; Khu xử lý chất thải rắn Nam Quảng Nam.

[25] Quy hoạch tỉnh Quảng Nam thời kỳ 2021 - 2030, tầm nhìn đến năm 2050 đã được Thủ tướng Chính phủ phê duyệt tại Quyết định số 72/QĐ-TTg ngày 17/01/2024.

năng, thế mạnh, bảo đảm sự hài hòa giữa phát triển kinh tế - xã hội với bảo vệ môi trường. Tại Hội nghị, đã tổ chức trao Quyết định chấp thuận chủ trương đầu tư, Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư; thỏa thuận nghiên cứu địa điểm cho 10 nhà đầu tư của 16 dự án với tổng vốn đăng ký đầu tư xấp xỉ 20.000 tỷ đồng.

3. Dự kiến kết quả đạt được giai đoạn 2020 - 2025

Giai đoạn 2021 - 2023 và 6 tháng đầu năm 2024, mặc dù chịu ảnh hưởng nặng nề của đại dịch Covid-19, thiên tai, biến đổi khí hậu…; song, nhờ sự lãnh đạo, chỉ đạo của Tỉnh ủy, HĐND, UBND tỉnh, tình hình KT-XH trên địa bàn tỉnh đạt được những kết quả nhất định. Dự kiến đến năm 2025, trong 58 chỉ tiêu thành phần thuộc 25 chỉ tiêu của Nghị quyết Đại hội đại biểu Đảng bộ tỉnh lần thứ XXII: Có 10 chỉ tiêu đạt và vượt, 29 chỉ tiêu khả năng đạt, 19 chỉ tiêu khó đạt so với kế hoạch đề ra *(cụ thể theo phụ lục đính kèm)*.

4. Tồn tại, hạn chế và nguyên nhân

a) Tồn tại, hạn chế

Tốc độ tăng trưởng GRDP bình quân giai đoạn 2021 - 2023 chưa đạt so với chỉ tiêu đề ra (7,5 - 8%), trong tỉnh chưa xuất hiện nhân tố nổi trội thúc đẩy phát triển kinh tế nên dự báo tốc độ tăng trưởng các năm còn lại sẽ không cao, khả năng hoàn thành kế hoạch tăng trưởng giai đoạn 2020 - 2025 sẽ rất khó thực hiện.

Ngành công nghiệp sản xuất và lắp ráp ô tô gặp khó khăn do thị trường tiêu thụ bị thu hẹp; sức cạnh tranh yếu so với các hãng xe khác trong nước và nhập khẩu… Dịch vụ, du lịch phục hồi, phát triển chưa tương xứng với tiềm năng, thế mạnh của tỉnh. Công tác xúc tiến đầu tư chưa đạt yêu cầu. Huy động vốn đầu tư phát triển gặp nhiều khó khăn, nhiều công trình trọng điểm thiếu vốn. Công tác thu hồi đất, bồi thường, giải phóng mặt bằng tại nhiều địa phương còn chậm trễ, ảnh hưởng đến tiến độ thực hiện dự án đầu tư và đời sống của người dân.

Thu ngân sách chưa đạt chỉ tiêu đề ra, còn phụ thuộc nhiều vào ngành chủ lực. Năm 2023 và những năm sau không còn phát sinh số thu đột biến như năm 2022 và nguồn thu mới chưa xuất hiện. Do vậy, dự kiến trong giai đoạn 2023 - 2025, tỷ lệ tăng thu ngân sách trên địa bàn tỉnh sẽ thấp hơn giai đoạn 2021 - 2022.

Đa số các doanh nghiệp trên địa bàn tỉnh quy mô nhỏ, hạn chế trong việc tìm hiểu, nghiên cứu và áp dụng pháp luật, tìm kiếm thông tin, đối tác, liên doanh, liên kết để phát triển; chưa có chiến lược và đầu tư thích đáng để khai thác các ứng dụng thương mại điện tử. Nhu cầu bảo tồn và phát huy giá trị các di

tích lịch sử văn hóa hiện nay rất cấp thiết nhưng nguồn lực thực hiện chưa đảm bảo.

Việc đầu tư xây dựng kết cấu hạ tầng đối với lĩnh vực y tế và giáo dục chưa đáp ứng yêu cầu. Hạ tầng công nghệ thông tin miền núi còn khó khăn. Công tác giảm nghèo chưa thật vững chắc. Tỷ lệ hộ nghèo cao hơn mức bình quân chung của cả nước. Chất lượng nguồn nhân lực chưa đáp ứng được yêu cầu phát triển. Năng suất lao động thấp; tỷ lệ lao động chuyên môn kỹ thuật, nhất là lao động có trình độ kỹ thuật cao còn thấp. Chất lượng đào tạo nghề chưa tốt. Kết quả cải cách hành chính có mặt còn hạn chế, nhất là 04 chỉ số trụ cột trong cải cách hành chính bị tụt hạng.

b) Nguyên nhân

** Nguyên nhân khách quan*

Giai đoạn 2021 - 2023, do chịu ảnh hưởng của đại dịch Covid-19, xung đột Nga - Ukraina kéo dài đã ảnh hưởng nặng nề đến đà phục hồi của chuỗi cung ứng, làm cho giá nhiên liệu trên thế giới tăng cao, giá nguyên vật liệu đầu vào cũng gia tăng, tiêu dùng giảm mạnh, ảnh hưởng không nhỏ đến tình hình sản xuất của các doanh nghiệp và đời sống của đại đa số người dân trên địa bàn tỉnh.

Dòng vốn đầu tư toàn cầu phục hồi chậm đã ảnh hưởng đến tình hình thu hút FDI trên địa bàn tỉnh. Ngành sản xuất ô tô gặp nhiều khó khăn khi phải cạnh tranh khốc liệt với thị trường trong và ngoài nước.

Ảnh hưởng của tình trạng bão lụt, biến đổi khí hậu ngày càng gia tăng, ảnh hưởng đến hoạt động KT-XH, gây tổn thất về kinh tế và tính mạng của người dân.

** Nguyên nhân chủ quan*

Một số ngành kinh tế chủ yếu phát triển thiếu bền vững. Chưa phát huy hết tiềm năng, lợi thế của tỉnh để thu hút các dự án đầu tư quy mô lớn; nhiều dự án chậm tiến độ, đầu tư còn dàn trải.

Nguồn lực đầu tư còn hạn chế, việc huy động các nguồn lực khác còn khó khăn. Công tác bồi thường, giải phóng mặt bằng gặp nhiều vướng mắc, ảnh hưởng đến tiến độ thực hiện các dự án; công tác giải ngân vốn đầu tư công còn chậm, chưa đáp ứng yêu cầu đề ra.

Kết cấu hạ tầng, chất lượng nguồn nhân lực, tiếp cận về đất đai và các dịch vụ tiện ích chưa đáp ứng yêu cầu ngày càng cao của nhà đầu tư. Năng lực sản xuất, kinh doanh, năng lực quản trị của phần lớn doanh nghiệp trên địa bàn tỉnh là nhỏ và vừa nên chưa đáp ứng yêu cầu phát triển và hội nhập; nhất là việc phục hồi và phát triển sau dịch Covid-19.

Sự chỉ đạo, quản lý, điều hành của chính quyền ở một số nơi có mặt chưa đáp ứng yêu cầu, thiếu kiên quyết; kỷ luật, kỷ cương không nghiêm. Công tác tuyên truyền, phổ biến pháp luật hiệu quả thấp. Công tác phối hợp, thực hiện nhiệm vụ giữa các ngành, địa phương chưa đồng bộ, thiếu nhịp nhàng, cụ thể.

II. CÁC MÔ HÌNH, CÁCH LÀM TỐT, SÁNG TẠO CỦA TỈNH

1. Trên cơ sở 03 nhiệm vụ đột phá chiến lược theo Nghị quyết Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XIII của Đảng đề ra; nhiệm kỳ 2020 - 2025, tỉnh Quảng nam đã đề ra 03 nhiệm vụ đột phá chiến lược (đó là xây dựng hệ thống kết cấu hạ tầng đồng bộ và phát triển đô thị; chủ động tham gia cuộc Cách mạng công nghiệp lần thứ tư gắn với phát triển nguồn nhân lực chất lượng cao; cải thiện môi trường đầu tư và khởi nghiệp đổi mới sáng tạo) và tập trung chỉ đạo quyết liệt đạt được những kết quả quan trọng.

Về xây dựng hệ thống kết cấu hạ tầng đồng bộ và phát triển đô thị: Tổng vốn đầu tư toàn xã hội 03 năm (2021 - 2023) hơn 102 nghìn tỷ đồng, tăng bình quân 6,6%/năm, chiếm trên 30% GRDP[26]. Trong giai đoạn này, tập trung đầu tư một số công trình giao thông lớn, mang tầm chiến lược quan trọng kết nối liên vùng, tạo động lực thúc đẩy phát triển KT-XH trên địa bàn tỉnh, như: Các tuyến đường đi cảng Kỳ Hà, sân bay Chu Lai, hoàn thiện đường Võ Chí Công…tạo điều kiện thuận lợi để vận chuyển hàng hóa khu vực Đông Thái Lan, Nam Lào về các cảng biển, khu kinh tế của tỉnh và khu vực miền Trung. Phát triển hạ tầng các khu, cụm công nghiệp gắn với nhóm dự án về dịch vụ vận tải, hậu cần cảng và logistics, góp phần thu hút được một số dự án quy mô lớn.

Tốc độ đô thị hóa tăng về số lượng và quy mô; tích cực triển khai các hoạt động xúc tiến, thu hút đầu tư để phát triển thành phố Tam Kỳ là vùng động lực, phát triển đô thị Hội An thành đô thị đặc thù đạt các tiêu chí cơ bản của đô thị loại II, Điện Bàn thành đô thị loại III. Tiếp tục xây dựng và hoàn thiện các tiêu chí đô thị loại IV cho Ái Nghĩa; hình thành 03 đô thị mới Duy Hải - Duy Nghĩa, Bình Minh và Bình Hải là đô thị loại V, từng bước kết nối hình thành chuỗi đô thị Nam Hội An đạt các tiêu chí đô thị loại IV theo hướng đô thị du lịch, dịch vụ cấp vùng; đầu tư, hoàn thiện các tiêu chí đô thị loại IV cho các đô thị Thạnh Mỹ, Khâm Đức, Trà My trở thành đô thị trung tâm vùng, tạo động lực phát triển lan tỏa, kết nối với Khu kinh tế cửa khẩu quốc tế Nam Giang và các cơ sở kinh tế - kỹ thuật trong vùng. Tỷ lệ đô thị hóa năm 2023 đạt 35,7%.

Về chủ động tham gia cuộc Cách mạng công nghiệp lần thứ tư gắn với phát triển nguồn nhân lực chất lượng cao: Các cơ quan, đơn vị, địa phương xây dựng lộ trình, kế hoạch chuyển đổi số và đạt kết quả nhất định. Đặc biệt là phát triển Hệ thống Trung tâm tích hợp dữ liệu tỉnh ổn định, thông suốt, đáp ứng yêu

[26] Trong đó, vốn đầu tư công gần 37,3 nghìn tỷ đồng, chiếm hơn 36,5% tổng vốn đầu tư toàn xã hội, chủ yếu đầu tư các dự án khắc phục hậu quả bão lụt, thiên tai, biến đổi khí hậu.

cầu triển khai các hệ thống thông tin, cơ sở dữ liệu dùng chung của tỉnh. Một số lĩnh vực áp dụng quản lý, điều hành qua hệ thống phần mềm, cơ sở dữ liệu giúp tiết kiệm chi phí, thời gian cho người dân. Các cơ chế thu hút, tuyển dụng, đào tạo và sử dụng nguồn nhân lực có trình độ cao được chú trọng. Đội ngũ cán bộ được đào tạo, nâng cao trình độ về chuyên môn, lý luận chính trị, đạo đức công vụ, ý thức phục vụ Nhân dân. Cơ cấu lao động chuyển dịch theo hướng tích cực[27]. Chất lượng lao động được cải thiện, tỷ lệ lao động qua đào tạo đến năm 2023 đạt 72,2%[28]. Giải quyết việc làm mới giai đoạn 2021 - 2023 gần 52 nghìn lao động, đạt 64,93% mục tiêu giai đoạn 2021 - 2025[29].

Về cải thiện môi trường đầu tư và khởi nghiệp đổi mới sáng tạo: Tập trung thực hiện các giải pháp cải thiện môi trường đầu tư kinh doanh, nâng cao chỉ số năng lực cạnh tranh cấp tỉnh (PCI); ban hành các quy định quản lý, hướng dẫn về thủ tục đầu tư, cơ chế, chính sách hỗ trợ doanh nghiệp theo nhóm ngành, lĩnh vực. Tiếp tục cải cách thủ tục hành chính, đặc biệt là cải cách hành chính ở các lĩnh vực thuế, hải quan, đăng ký kinh doanh. Triển khai tích cực các hoạt động xúc tiến, thu hút đầu tư; ứng dụng thành tựu khoa học - công nghệ trong sản xuất, kinh doanh. Kiên quyết rà soát, thu hồi các dự án đầu tư kéo dài không hiệu quả, những dự án chiếm đất không có khả năng thực hiện hoặc các nhà đầu tư thiếu năng lực tài chính. Xây dựng và thúc đẩy phát triển Hệ sinh thái khởi nghiệp đổi mới sáng tạo. Triển khai Hệ sinh thái tích hợp khoa học, hiệu quả, mở rộng kết nối, tạo cảm hứng, khuyến khích khởi nghiệp sáng tạo, được các cơ quan Trung ương, chuyên gia khởi nghiệp hàng đầu Việt Nam và cộng đồng khởi nghiệp hoan nghênh và đánh giá cao. Qua 03 năm, có gần 3.000 doanh nghiệp thành lập mới với tổng vốn đăng ký gần 23.770 tỷ đồng; lũy kế đến nay có 8.430 doanh nghiệp đang hoạt động, 194 dự án FDI còn hiệu lực với tổng vốn đăng ký hơn 6,06 tỷ USD, 1.100 dự án đầu tư trong nước đang hoạt động[30], góp phần thúc đẩy tăng trưởng kinh tế, tăng thu ngân sách hằng năm cho tỉnh.

2. Do đặc thù tỉnh Quảng Nam chia thành 02 vùng riêng biệt, có điều kiện phát triển KT-XH không tương đồng nên tỉnh đã tập trung phát triển kinh tế theo vùng, miền để mang lại hiệu quả cao

Đối với vùng đồng bằng ven biển: Tỉnh ủy đã ban hành Nghị quyết về định hướng phát triển vùng Đông Nam đến năm 2025, định hướng đến năm 2030[31], với mục tiêu xây dựng vùng Đông Nam của tỉnh trở thành chuỗi đô thị - trung tâm dịch vụ, du lịch - công nghiệp sạch - nông nghiệp công nghệ cao và là vùng động lực để thúc đẩy phát triển KT-XH, giải quyết việc làm, giảm nghèo bền vững của tỉnh. Theo đó, tỉnh đã triển khai 06 nhóm dự án trọng điểm vùng

---

[27] Đến năm 2023, tỷ trọng lao động nông, lâm, thủy sản chiếm 32,5%, giảm 4,8% so với năm 2020; khu vực phi nông nghiệp chiếm 67,5%, đạt hơn 95% mục tiêu Đại hội đại biểu Đảng bộ tỉnh lần thứ XXII đã đề ra.

[28] Trong đó, lao động qua đào tạo có bằng cấp, chứng chỉ 34,67%.

[29] Mục tiêu Đại hội đến năm 2025 giải quyết việc làm cho 80 nghìn lao động.

[30] Trong đó, có nhiều dự án quy mô lớn.

[31] Nghị quyết số 07-NQ/TU, ngày 04/5/2021.

Đông Nam theo ngành, lĩnh vực và 05 nhóm dự án về hạ tầng chủ yếu. Xúc tiến, lựa chọn nhà đầu tư có năng lực, kinh nghiệm vào đầu tư các dự án đô thị, du lịch nghỉ dưỡng cao cấp; kết nối du lịch ven biển Hội An, Thăng Bình, Tam Kỳ, Núi Thành nhằm phát huy tối đa công năng các khu du lịch, nghỉ dưỡng và khu kinh tế ven biển.

Đồng thời, thu hút các dự án công nghiệp sử dụng công nghệ tiên tiến, công nghiệp phụ trợ, công nghiệp chuyên nông - lâm nghiệp; hậu cần cảng và logistics gắn với cảng biển. Triển khai xây dựng đề án hình thành và phát triển Trung tâm công nghiệp chế biến sâu các sản phẩm từ Silica, đề xuất dự án xây dựng đầu tư kinh doanh kết cấu hạ tầng khu công nghiệp Bắc Thăng Bình theo mô hình khu công nghiệp sinh thái để phát triển công nghiệp khai thác và chế biến sâu Silica.

Đối với khu vực trung du, miền núi: Tỉnh ủy đã ban hành Nghị quyết về phát triển KT-XH vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi; định hướng một số dự án quan trọng tại vùng Tây tỉnh Quảng Nam giai đoạn 2021 - 2025, định hướng đến năm 2030[32]. Theo đó, tập trung phát triển KT-XH miền núi gắn với thực hiện hiệu quả 05 nhóm dự án quan trọng, gồm: (1) Nhóm dự án bảo vệ, phát triển rừng, bảo tồn đa dạng sinh học gắn với phát triển kinh tế rừng và lâm sản ngoài gỗ; (2) Nhóm dự án sắp xếp dân cư, ổn định chỗ ở phòng tránh thiên tai và biến đổi khí hậu; (3) Nhóm dự án về phát triển kết cấu hạ tầng trọng điểm (giao thông, thủy lợi, công nghệ thông tin...); (4) Nhóm dự án phát triển kinh tế vườn, kinh tế trang trại, sản phẩm OCOP gắn với phát triển du lịch cộng đồng; (5) Nhóm dự án về phát triển các khu du lịch, nghỉ dưỡng chất lượng cao. Kết quả triển khai thực hiện Nghị quyết đạt được nhiều kết quả tích cực. Tổng vốn đầu tư phát triển giai đoạn 2021 - 2023 đạt gần 40 nghìn tỷ đồng[33], chủ yếu tập trung đầu tư phát triển kết cấu hạ tầng, sắp xếp dân cư, ổn định sản xuất cho người dân. Bước đầu hình thành nhóm sản phẩm OCOP đặc trưng của miền núi gắn với thị trường tiêu thụ như Sâm Ngọc Linh, Quế Trà My, Ba kích, Đảng sâm. Thực hiện sắp xếp, ổn định dân cư[34]; giảm tỷ lệ hộ nghèo xuống còn 22,05%. Thu nhập bình quân đầu người năm 2023 khoảng 24 triệu đồng/người/năm, tăng 1,2 lần so với năm 2020; chất lượng y tế từng bước được cải thiện, mạng lưới y tế cơ sở được củng cố và nâng cấp[35]; giáo dục có nhiều chuyển biến tích cực với các chính sách ưu đãi cho học sinh, giáo viên nên số lượng học sinh đến lớp qua các năm luôn duy trì ở mức cao; cơ sở vật chất, trang thiết bị dạy học được đầu tư, nâng cấp.

---

[32] Nghị quyết số 12-NQ/TU, ngày 20/7/2021.

[33] Trong đó, vốn đầu tư công 5.065 tỷ đồng, chiếm 33% tổng vốn đầu tư toàn tỉnh.

[34] Giai đoạn 2021 - 2022 sắp xếp 1.009 hộ.

[35] Đến năm 2022, có 100% xã, thị trấn có trạm y tế; 75/100 xã đạt chuẩn Quốc gia về y tế. Số lượng bác sĩ trên một vạn dân đạt trên 8,1 bác sĩ (cả tỉnh 9,1 bác sĩ), số giường bệnh trên một vạn dân (không tính trạm y tế) đạt 26,1 giường.

3. Chú trọng phát triển Khu kinh tế mở Chu Lai đến năm 2025, định hướng đến năm 2030 trở thành khu kinh tế động lực của Vùng kinh tế trọng điểm miền Trung và cả nước. Đến nay, trên địa bàn Khu kinh tế mở Chu Lai có 199 dự án[36] với tổng vốn đầu tư hơn 74 nghìn tỷ đồng; hiện có 142 dự án đã đi vào hoạt động; trong đó, có nhiều nhà máy hoạt động thuộc các lĩnh vực khác nhau từ công nghiệp nhẹ đến công nghiệp nặng, tiêu biểu nhất là Khu công nghiệp cơ khí ô tô Chu Lai Trường Hải với 35 dự án đang hoạt động. Tổng giá trị sản xuất công nghiệp ước tính chiếm trên 60% giá trị sản xuất công nghiệp của tỉnh, chủ yếu tại các khu công nghiệp và cụm công nghiệp tập trung. Dự báo trong giai đoạn tiếp theo, Chu Lai vẫn là vùng động lực phát triển kinh tế và công nghiệp không những của Quảng Nam mà cả Vùng kinh tế trọng điểm miền Trung.

4. Quyết liệt thực hiện công tác cải cách hành chính và chuyển đổi số để từng bước xây dựng nền hành chính dân chủ, hiện đại, chuyên nghiệp, công khai, minh bạch, nâng cao chất lượng điều hành, hiệu lực, hiệu quả hoạt động của chính quyền các cấp; đồng thời, tạo môi trường thuận lợi, thông thoáng để kêu gọi xúc tiến đầu tư, thúc đẩy phát triển KT-XH của tỉnh. Tỉnh ủy, UBND, HĐND tỉnh đã ban hành nhiều Nghị quyết về đẩy mạnh cải cách hành chính trên địa bàn tỉnh giai đoạn 2021 - 2025, định hướng đến năm 2030; các Nghị quyết về chuyển đổi số tỉnh Quảng Nam đến năm 2025, định hướng đến năm 2030. Thành lập Ban Chỉ đạo và Tổ giúp việc về cải cách hành chính và chuyển đổi số tỉnh; thường xuyên rà soát, đánh giá việc thực hiện thủ tục hành chính, dịch vụ công trên môi trường điện tử, nâng cao chất lượng phục vụ cơ quan hành chính nhà nước đối với người dân, doanh nghiệp. Tổ chức triển khai thực hiện hiệu quả Đề án phát triển ứng dụng dữ liệu về dân cư, định danh và xác thực điện tử, phục vụ chuyển đổi số quốc gia giai đoạn 2022 - 2025, tầm nhìn đến năm 2030 trên địa bàn tỉnh.

5. Để kịp thời tháo gỡ khó khăn cho doanh nghiệp theo tinh thần Nghị quyết số 33/NQ-CP, ngày 11/3/2023 của Chính phủ về một số giải pháp tháo gỡ và thúc đẩy thị trường bất động sản phát triển an toàn, lành mạnh, bền vững; Nghị quyết số 58/NQ-CP, ngày 21/4/2023 của Chính phủ về một số chính sách, giải pháp trọng tâm hỗ trợ doanh nghiệp chủ động thích ứng, phục hồi nhanh và phát triển bền vững đến năm 2025; Quảng Nam đã tổ chức các Hội nghị chuyên đề để thảo luận và thống nhất cho chủ trương để tháo gỡ các khó khăn, vướng mắc theo thẩm quyền, quy định; kiên quyết không hợp thức cho cái sai, không lặp lại cái sai đã được thanh tra, kiểm tra, kiểm toán chỉ ra; đảm bảo đúng thẩm quyền, trách nhiệm; tăng cường phân cấp, ủy quyền, nâng cao trách nhiệm cá nhân người đứng đầu các cơ quan, đơn vị, địa phương; phân tích đánh giá đầy đủ nguyên nhân khách quan, chủ quan của từng thời điểm, dự án, nhà đầu tư, doanh nghiệp để

[36] Trong đó, có 47 dự án FDI và 152 dự án trong nước.

xem xét, giải quyết các nội dung liên quan theo nguyên tắc khách quan, công khai, minh bạch.

III. NHỮNG KHÓ KHĂN, VƯỚNG MẮC

- Hiện nay, tỉnh Quảng Nam có nhiều dự án đầu tư của các doanh nghiệp, qua thanh tra, kiểm tra, kiểm toán phát hiện sai phạm, thiếu sót trong công tác quản lý nhà nước, chủ yếu về thực hiện các trình tự, thủ tục theo quy định, nay phải khắc phục nhưng gặp rất nhiều khó khăn, kéo dài dẫn đến ảnh hưởng môi trường đầu tư của tỉnh. Các tồn đọng do lịch sử để lại khá nhiều trên các lĩnh vực khác nhau vì xuất phát điểm của tỉnh rất thấp, phải có sự nỗ lực, sáng tạo, quyết tâm rất cao của nhiều thế hệ. Trong khi đó, lực lượng cán bộ, công chức còn nhiều hạn chế, chưa theo kịp yêu cầu phát triển, có tâm lý e dè, chưa giải quyết linh hoạt các thủ tục hành chính cho tổ chức và người dân, không dám tham mưu tháo gỡ các vấn đề phức tạp phát sinh trong thực tiễn.

- Tỉnh Quảng Nam là địa phương có diện tích tự nhiên lớn (10.574 km^2), xếp thứ 06 cả nước, địa hình phức tạp (gần 2/3 diện tích là miền núi, có 06 huyện miền núi cao), trong khi nguồn lực hạn chế và chủ yếu phụ thuộc vào nguồn thu từ Tập đoàn Trường Hải nên việc đầu tư đồng bộ hệ thống hạ tầng, đặc biệt là các hạ tầng giao thông trọng yếu, kết nối liên vùng, liên huyện; các công trình về y tế, giáo dục chưa đáp ứng được yêu cầu. Mặt khác, tỉnh Quảng Nam cũng là địa phương chịu nhiều thiên tai, biến đổi khí hậu, do đó, nhiều công trình bị hư hỏng, xuống cấp, việc khắc phục, sửa chữa và tăng cường khả năng chống chịu, thích ứng gặp nhiều khó khăn. Công tác giải phóng mặt bằng mặc dù đã có nhiều nỗ lực, tuy nhiên, tiến độ chậm do nhiều nguyên nhân khách quan, chủ quan, gây cản trở rất lớn đến việc thi công các công trình để sớm hoàn thành, phát huy hiệu quả. Sự phát triển KT-XH vùng Tây của tỉnh chưa tương xứng với tiềm năng và lợi thế, đời sống người dân còn khó khăn; công tác an sinh và phúc lợi xã hội, đền ơn đáp nghĩa, xóa nhà tạm… tuy được quan tâm nhưng chưa đáp ứng yêu cầu.

- Hiện nay, một số thủ tục hành chính quy định thời gian giải quyết là ngày làm việc hoặc ngày thông thường chưa đồng bộ, thống nhất, dẫn đến cách hiểu và áp dụng khác nhau, gây khó khăn trong quá trình xây dựng quy trình nội bộ giải quyết thủ tục hành chính và cấu hình trên Hệ thống thông tin giải quyết thủ tục hành chính. UBND tỉnh Quảng Nam đã ban hành Kế hoạch về thực hiện các mô hình triển khai, nhiệm vụ tại Đề án Phát triển ứng dụng dữ liệu về dân cư, định danh và xác thực điện tử phục vụ chuyển đổi số quốc gia giai đoạn 2022 - 2025, tầm nhìn đến năm 2030 trên địa bàn tỉnh Quảng Nam. Tuy nhiên, hiện nay còn 02 mô hình chưa triển khai thực hiện: (1) Mô hình 17: Triển khai thiết bị giám sát thi cử, sát hạch lái xe; (2) Mô hình 19: Triển khai sử dụng Căn cước công dân gắn chip quét thanh toán vé tàu, xe,... không dùng tiền mặt; 02 mô hình nêu trên liên quan đến phần mềm, hệ thống thông tin, trang thiết bị

công nghệ thông tin liên quan do bộ, ngành Trung ương triển khai thống nhất trên phạm vi toàn quốc. Tuy nhiên, đến nay chưa có văn bản hướng dẫn của cơ quan thường trực nên chưa có đủ cơ sở pháp lý để khái toán và đề xuất kinh phí thực hiện.

- Trong quá trình thực hiện chuyển đổi số trên địa bàn tỉnh, các Tổ Công nghệ số cộng đồng được thành lập, triển khai được xem là những "cánh tay nối dài" của chính quyền địa phương nhằm hướng dẫn, tuyên truyền đến người dân, hộ gia đình sử dụng dịch vụ công trực tuyến. Tuy nhiên, hiện nay, các tổ này chủ yếu vẫn hoạt động trên tinh thần tự nguyện, chưa có cơ chế, chính sách hỗ trợ kinh phí hoạt động.

IV. KHÁI QUÁT TẦM NHÌN, ĐỊNH HƯỚNG PHÁT TRIỂN GIAI ĐOẠN 2025-2030

1. Mục tiêu tổng quát

Đến năm 2030 Quảng Nam phấn đấu trở thành tỉnh phát triển khá của cả nước; là cực tăng trưởng quan trọng của khu vực miền Trung - Tây Nguyên; có mạng lưới kết cấu hạ tầng đồng bộ theo hướng hiện đại; phát triển hàng không, cảng biển, dịch vụ logistics, du lịch, công nghiệp cơ khí ô tô, cơ khí chế tạo, điện khí mang tầm khu vực; hình thành trung tâm công nghiệp dược liệu, chế biến sâu sản phẩm nông lâm nghiệp, silica mang tầm quốc gia; có cơ sở đào tạo nghề chất lượng cao; có nền văn hóa giàu bản sắc; đa số các cơ sở y tế, giáo dục đạt chuẩn quốc gia; có hệ thống đô thị đồng bộ, gắn kết với nông thôn; quốc phòng, an ninh, chủ quyền biên giới trên đất liền, biển, đảo được giữ vững và đảm bảo trật tự, an toàn xã hội.

2. Một số định hướng không gian phát triển

a) Tổ chức không gian các hoạt động kinh tế - xã hội tỉnh Quảng Nam theo mô hình cấu trúc: Hai vùng, hai cụm động lực, ba hành lang phát triển.

(1) Hai vùng bao gồm vùng Đông và vùng Tây:

- Vùng Đông, gồm các huyện, thị xã, thành phố đồng bằng ven biển - Vùng động lực của tỉnh, với các ngành kinh tế chủ đạo là kinh tế biển, công nghiệp, thương mại, dịch vụ, du lịch, nông nghiệp; tập trung các đô thị lớn, trung tâm hành chính, chính trị của tỉnh. Tam Kỳ là đô thị trung tâm hành chính, kinh tế, giáo dục, đào tạo; Hội An là đô thị sinh thái - văn hóa - du lịch, giao lưu quốc tế với các sản phẩm đặc sắc có chiều sâu văn hóa; Điện Bàn là đô thị phát triển công nghiệp, khoa học, đổi mới sáng tạo.

- Vùng Tây, gồm các huyện miền núi - Đây là vùng bảo tồn hệ sinh thái rừng tự nhiên; phát triển vùng nguyên liệu lâm sản và dược liệu quốc gia, với sâm Ngọc Linh là sản phẩm chủ lực để sản xuất các sản phẩm có giá trị gia tăng

cao, hình thành trung tâm công nghiệp dược liệu tự nhiên; kinh tế vườn, trang trại, chăn nuôi; khai thác thủy điện, khoáng sản; bảo vệ khu vực biên giới. Đô thị Khâm Đức (Phước Sơn) và Thạnh Mỹ (Nam Giang) là các đô thị chuyển tiếp, kết nối, giao lưu phát triển giữa khu vực đồng bằng tỉnh Quảng Nam và thành phố Đà Nẵng với Tây Nguyên và các nước thuộc hành lang quốc tế Đông-Tây.

(2) Hai cụm động lực gồm:

- Cụm Điện Bàn - Hội An - Đại Lộc: Là cực tăng trưởng phía Bắc của tỉnh, kết nối với các không gian kinh tế của thành phố Đà Nẵng. Hình thành chuỗi đô thị ven sông, ven biển thông qua các tuyến đường bộ và hệ thống các sông: Vu Gia, Thu Bồn, Cổ Cò; phát triển hành lang du lịch dựa trên tuyến giao thông đường thủy. Nâng cao chất lượng Khu công nghiệp Điện Nam-Điện Ngọc và các cụm công nghiệp tại Điện Bàn; phát triển không gian đô thị Điện Bàn, Hội An gắn kết với quá trình đô thị hóa của thành phố Đà Nẵng, hình thành đô thị nghỉ dưỡng-giải trí ven biển và ven sông Cổ Cò.

- Cụm Tam Kỳ - Núi Thành - Phú Ninh: Kết nối các không gian kinh tế của 3 đơn vị hành chính này thành khu vực phát triển kinh tế công nghiệp, dịch vụ logistic, cảng biển, hàng không, thương mại, du lịch biển, y tế, giáo dục-đào tạo, đô thị thông minh; xây dựng và phát triển thành đô thị loại I trực thuộc tỉnh. Chu Lai là khu kinh tế tổng hợp, đa ngành, với hạt nhân là ngành công nghiệp cơ khí ô tô, tiếp tục tái cấu trúc gắn với tổ chức sản xuất các sản phẩm mới phù hợp với xu thế của cuộc Cách mạng công nghiệp lần thứ tư. Đồng thời, liên kết với tỉnh Quảng Ngãi trở thành cực tăng trưởng kinh tế trọng điểm của vùng.

(3) Ba hành lang phát triển gồm:

- Hành lang động lực kinh tế ven biển từ đường cao tốc Đà Nẵng - Quảng Ngãi đến ven biển: Tập trung các không gian công nghiệp sinh thái, công nghiệp công nghệ cao, du lịch xanh và chuỗi đô thị sông, biển gắn với cảng biển và Cảng hàng không Chu Lai.

- Hành lang dọc đường Đông Trường Sơn và đường Hồ Chí Minh thuộc không gian phía Tây của tỉnh: Tập trung công nghiệp thủy điện; khai thác, chế biến khoáng sản; nông, lâm nghiệp; bảo tồn, phát huy văn hóa đặc sắc của đồng bào các dân tộc thiểu số; là cửa ngõ giao thương với các tỉnh Tây Nguyên và tỉnh Thừa Thiên Huế.

- Hành lang dọc Quốc lộ 14B và Quốc lộ 14E nối lên Quốc lộ 14D đến Cửa khẩu quốc tế Nam Giang: Là trục giao lưu với vùng kinh tế Tây Nguyên và các tỉnh Nam Lào - Bắc Campuchia.

b) Xác định các khâu đột phá phát triển của tỉnh trong thời gian tới là: Hoàn thiện hệ thống hạ tầng; nâng cao năng lực cạnh tranh; nâng cao chất lượng nguồn nhân lực và phúc lợi xã hội; nâng cao năng lực khoa học công nghệ.

c) Đa dạng hóa các nguồn thu ngân sách nhà nước. Tăng cường các giải pháp thu để phục vụ cho việc phát triển, nhất là các nguồn thu từ tiền sử dụng đất, thủy điện, bia,...; chú trọng công tác bồi thường, giải phóng mặt bằng để thực hiện các dự án lớn, mang tính kết nối, liên kết vùng của tỉnh; đẩy mạnh công tác cải cách hành chính, chuyển đổi số, tăng cường kỷ luật, kỷ cương trong thực thi công vụ. Nâng cao hiệu quả thực hiện các chương trình mục tiêu quốc gia, chương trình phục hồi và phát triển KT-XH.

d) Tiếp tục triển khai xây dựng sự nghiệp văn hóa, thể thao; tăng cường chất lượng, chuẩn hóa đội ngũ nhà giáo và cán bộ quản lý giáo dục; nâng cao hiệu quả công tác y tế, chăm sóc sức khỏe nhân dân; thực hiện đầy đủ các chính sách, chế độ ưu đãi người có công với cách mạng, thanh niên xung phong, trợ cấp, bảo hiểm xã hội...

e) Chăm lo xây dựng nền quốc phòng toàn dân, xây dựng thế trận quốc phòng toàn dân gắn với thế trận an ninh nhân dân, biên phòng toàn dân, xây dựng khu vực phòng thủ; đảm bảo an ninh, trật tự trên địa bàn. Tiếp tục thực hiện tốt công tác đối ngoại.

V. ĐỀ XUẤT, KIẾN NGHỊ

1. Tiếp tục hoàn thiện quy định, thể chế, chính sách pháp luật để hạn chế thấp nhất tình trạng chồng chéo giữa các quy định pháp luật hiện nay. Có hướng dẫn cụ thể, rõ ràng để các địa phương tháo gỡ các khó khăn, vướng mắc, tồn đọng kéo dài, có xét đến yếu tố hoàn cảnh lịch sử.

2. Có cơ chế đặc thù liên quan đến các di sản văn hóa thế giới ở Quảng Nam như: (1) Đề án bảo tồn, phát huy giá trị di sản thế giới Đô thị cổ Hội An; (2) Đề án thành lập Quỹ Bảo tồn di sản Quảng Nam và thí điểm thực hiện cơ chế sử dụng phí tham quan di tích trên địa bàn tỉnh; (3) Đề án xã hội hóa công tác quản lý, khai thác Khu đền tháp Mỹ Sơn.

3. Cần hoàn thiện các cơ chế, chính sách cho các tỉnh về xã hội hóa các sân bay, cảng biển, khu kinh tế. Có cơ chế đặc thù cho Khu kinh tế mở Chu Lai phát triển; trong đó, có cơ chế để phát triển chuỗi công nghiệp cơ khí.

4. Có cơ chế, chính sách về quản lý, bảo vệ rừng, phát triển kinh tế rừng, tạo điều kiện cho người dân khu vực miền núi được phát triển kinh tế dưới tán rừng, vươn lên thoát nghèo bền vững như: Cho thuê môi trường rừng để trồng dược liệu (bao gồm cả rừng phòng hộ và rừng đặc dụng tại những khu vực được

tác động), phù hợp với nguyên tắc phát triển kinh tế rừng gắn với quản lý rừng bền vững.

5. Có cơ chế liên kết vùng và cơ chế đặc thù cho từng vùng. Quan tâm đầu tư các công trình kết nối Đông Tây, phát triển khu vực miền núi, nhất là hạ tầng giao thông kết nối giữa các tỉnh miền Trung với Nam Lào như tuyến Quốc lộ 14D, 14G, 14H… Hiện nay, Quốc lộ 14D rất quan trọng cho hành lang kinh tế Đông - Tây, hỗ trợ cho các địa phương vùng Nam Lào vận chuyển hàng hóa qua miền Trung Việt Nam nhưng đang xuống cấp, hư hỏng nặng, gây khó khăn cho sinh hoạt của Nhân dân và tiềm ẩn tai nạn giao thông nghiêm trọng.

6. Đối với các Đề án đã được Chính phủ thống nhất chủ trương đưa vào chương trình công tác, kính đề nghị các bộ, ngành liên quan của Trung ương hướng dẫn địa phương trong quá trình xây dựng và sớm thẩm định trình Thủ tướng Chính phủ phê duyệt, gồm: (1) Đề án hình thành và phát triển trung tâm công nghiệp chế biến sâu sản phẩm silica tại tỉnh Quảng Nam; (2) Đề án hình thành trung tâm công nghiệp dược liệu thiên nhiên.

Ngoài ra, để chủ động nguồn cát trắng làm nguyên liệu cho công nghiệp chế biến, ngoài 05 vị trí được quy hoạch dự trữ quốc gia, phần diện tích được phép khai thác kính đề nghị Bộ Tài nguyên và Môi trường ủy quyền cho tỉnh Quảng Nam quyết định việc khai thác hoặc không khai thác và cấp phép thực hiện.

7. Nhằm tạo sự chủ động cho các địa phương linh hoạt trong chỉ đạo, quản lý điều hành quá trình tổ chức thực hiện quy hoạch tỉnh. Kính đề nghị cấp có thẩm quyền phân cấp, ủy quyền cho Chủ tịch UBND cấp tỉnh ban hành và điều chỉnh kế hoạch thực hiện quy hoạch tỉnh trong phạm vi nhiệm vụ và quyền hạn của mình sau khi quy hoạch tỉnh được phê duyệt.

Trên đây là Báo cáo đánh giá khái quát kết quả phát triển kinh tế - xã hội giai đoạn 2020-2025; một số đột phát, đổi mới sáng tạo thời gian qua và định hướng phát triển giai đoạn 2025-2030 tỉnh Quảng Nam. Kính báo cáo Tổ biên tập của Tiểu ban kinh tế - xã hội Đại hội XIV của Đảng./.

***Nơi nhận*:**
- Tổ Biên tập tiểu ban KT-XH ĐH XIV;
- CT, các PCT UBND tỉnh;
- CPVP;
- Các Phòng, Ban, TT thuộc VP;
- Lưu VT, TH.

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
CHỦ TỊCH

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH QUẢNG NAM

Lê Văn Dũng

Phụ lục
Tình hình thực hiện chỉ tiêu
Nghị quyết Đại hội đại biểu Đảng bộ tỉnh khóa XXII, nhiệm kỳ 2020 - 2025
(Kèm theo Báo cáo số #sovb/BC-UBND ngày #nbh/7/2024 của UBND tỉnh Quảng Nam)

TT	Chỉ tiêu Nghị quyết Đại hội XXII	Đơn vị tính	Chỉ tiêu Nghị quyết Đại hội XXII	Thực hiện giai đoạn 2021 - 2023	Đánh giá kết quả thực hiện GĐ 2020-2025
I	**CÁC CHỈ TIÊU VỀ KINH TẾ**				
01	Tốc độ tăng trưởng kinh tế (GRDP) bình quân hằng năm	*%*	**7,5 - 8**	1,47	Khó đạt
02	GRDP bình quân đầu người đến năm 2025	*Triệu đồng*	**110 - 113**	74	Khó đạt
03	Cơ cấu GRDP: Đến năm 2025:				
	a) Nông, lâm nghiệp, thủy sản	*%*	**9,5 - 9,3**	14,8	Khó đạt
	b) Công nghiệp - xây dựng	*%*	**35,8 - 36**	29,8	Khó đạt
	c) Dịch vụ	*%*	**37,2 - 37,3**	35,5	Khó đạt
	d) Thuế sản phẩm trừ trợ cấp	*%*	**17,5 - 17,4**	19,8	Khó đạt
04	Thu ngân sách trên địa bàn tăng bình quân hằng năm	*%*	**9,0**	3,3	Khả năng đạt
	a) Thu nội địa	*%*	**10,0**	6	Khả năng đạt
	b) Thu xuất, nhập khẩu	*%*	**4,0**	-10	Khả năng đạt
05	Tỷ lệ đô thị hóa đến năm 2025	*%*	*37*	35,7	Khả năng đạt
06	Tổng kim ngạch xuất, nhập khẩu hàng hóa tăng bình quân	*%*	**10**	5,1	Khả năng đạt
07	Tỷ lệ vốn đầu tư toàn xã hội so với GRDP đến năm 2025	*%*	**> 30**	> 30	Khả năng đạt
08	Tốc độ tăng năng suất lao động xã hội bình quân hằng năm	*%*	**6,8 - 7,3**	2,5	Khó đạt
09	Số lượt khách du lịch đến năm 2025	*Triệu lượt*	***12***	7,5	Khó đạt
10	Tỷ lệ thôn có đường ô tô đến trung tâm được cứng hóa vào năm 2025	*%*	**> 99**	99	Khả năng đạt
II	**CÁC CHỈ TIÊU VỀ XÃ HỘI**				
11	Đến năm 2025, tỷ lệ lao động phi nông nghiệp	*%*	**71 - 72**	67,5	Khả năng đạt
12	Đến năm 2025, tỷ lệ lao động qua đào tạo; *trong đó:*	*%*	**70 - 75**	72,2	Khả năng đạt
	a) Có bằng cấp, chứng chỉ	*%*	**35**	34,67	Khả năng đạt
	b) Số lao động có việc làm tăng thêm	*1.000 người*	**80**	52	Khả năng đạt

TT	Chỉ tiêu Nghị quyết Đại hội XXII	Đơn vị tính	Chỉ tiêu Nghị quyết Đại hội XXII	Thực hiện giai đoạn 2021 - 2023	Đánh giá kết quả thực hiện GĐ 2020-2025
13	Đến năm 2025, tỷ lệ hộ nghèo của toàn tỉnh (theo chuẩn nghèo giai đoạn 2022 - 2025); *trong đó:*	*%*	**2,87**	5,57	Khó đạt
	Tỷ lệ hộ nghèo thuộc đối tượng bảo trợ xã hội	*%*	**1,83**	1,6	Khó đạt
14	Đến năm 2025, tỷ lệ dân số tham gia bảo hiểm y tế	*%*	**96**	96,1	Vượt
	a) Số bác sĩ/01 vạn dân	*Bác sỹ*	**12**	11,4	Khả năng đạt
	b) Số giường bệnh/01 vạn dân	*Giường*	**43,6**	48,3	Vượt
	c) Tỷ lệ trẻ em dưới 5 tuổi suy dinh dưỡng thể thấp còi	*%*	**< 20**	20,8	Khả năng đạt
15	Trường đạt chuẩn quốc gia vào năm 2025				
	a) Trường mầm non đạt chuẩn quốc gia	*%*	**70**	62,4	Khó đạt
	b) Trường tiểu học đạt chuẩn quốc gia	*%*	**95**	81,9	Khó đạt
	c) Trường trung học cơ sở đạt chuẩn quốc gia	*%*	**80**	72,5	Khó đạt
	d) Trường trung học phổ thông đạt chuẩn quốc gia	*%*	**60**	45,3	Khó đạt
16	Đến năm 2025				
	a) Xã đạt chuẩn NTM	*xã*	**160**	123	Khó đạt
	Tỷ lệ xã đạt chuẩn NTM	*%*	**80**	63,73	Khó đạt
	b) Số xã đạt chuẩn NTM nâng cao	*xã*	**64**	15	Khả năng đạt
	c) Số xã đạt chuẩn NTM kiểu mẫu	*xã*	**16**	01	Khả năng đạt
	d) Huyện không có xã đạt chuẩn NTM	*huyện*	**0**	1	Khả năng đạt
	đ) Xã đạt dưới 15 tiêu chí	*xã*	**0**	70	Khả năng đạt
	e) Huyện đạt chuẩn NTM	*huyện*	**9**	4	Khả năng đạt
	Trong đó: Huyện đạt Nông thôn mới nâng cao và NTM kiểu mẫu	*huyện*	**2**	0	Khả năng đạt
	g) Phấn đấu trở thành tỉnh đạt chuẩn NTM trước năm 2035	*tỉnh*	**1**	0	Khả năng đạt
17	Thu nhập bình quân đầu người tính theo thu nhập thực tế đến năm 2025	*triệu đồng*	**68 - 70**	48	Khó đạt
18	Đến năm 2025, trên địa bàn tỉnh không còn nhà tạm bợ	*nhà*	**0**	6.723	Khả năng đạt
III	**CÁC CHỈ TIÊU VỀ MÔI TRƯỜNG**				
19	Đến năm 2025, tỷ lệ dân đô thị được sử dụng nước sạch	*%*	**90**	83	Khả năng đạt
20	**Đến năm 2025**				

TT	Chỉ tiêu Nghị quyết Đại hội XXII	Đơn vị tính	Chỉ tiêu Nghị quyết Đại hội XXII	Thực hiện giai đoạn 2021 - 2023	Đánh giá kết quả thực hiện GĐ 2020-2025
	a) Tỷ lệ chất thải rắn sinh hoạt đô thị được thu gom và xử lý	*%*	**100**	98	Khả năng đạt
	b) Tỷ lệ chất thải rắn sinh hoạt nông thôn được thu gom và xử lý	*%*	**95**	83	Khả năng đạt
	c) Tỷ lệ chất thải rắn công nghiệp thông thường được thu gom và xử lý	*%*	**95**	94	Khả năng đạt
	d) Tỷ lệ chất thải nguy hại được thu gom và xử lý	*%*	**80**	80	Khả năng đạt
	đ) Tỷ lệ chất thải rắn y tế được thu gom và xử lý	*%*	**100**	100	Khả năng đạt
21	Đến năm 2025				
	a) Các khu công nghiệp đang hoạt động có hệ thống xử lý nước thải tập trung đạt quy chuẩn về môi trường	*%*	**100**	87,5	Khả năng đạt
	b) Cụm công nghiệp có tỷ lệ lấp đầy trên 50% có hệ thống xử lý nước thải tập trung đạt quy chuẩn về môi trường	*%*	**50**	45,45	Khả năng đạt
22	Đến năm 2025				
	a) Cơ sở gây ô nhiễm môi trường nghiêm trọng	*Cơ sở*	**0**	0	Đạt
	b) Các cơ sở gây ô nhiễm môi trường nghiêm trọng nằm trong danh mục được khắc phục ô nhiễm và đưa ra khỏi danh mục	*%*	**100**	100	Đạt
23	Tỷ lệ che phủ rừng vào năm 2025	*%*	**61**	58,82	Khó đạt
IV	**CÁC CHỈ TIÊU VỀ XÂY DỰNG ĐẢNG; QUỐC PHÒNG, AN NINH**				
24	Hằng năm, số đảng viên được kết nạp	*Đảng viên*	**> = 1.500**	5.208	Đạt
	a) Hằng năm, số đảng viên được xếp loại hoàn thành tốt nhiệm vụ	*%*	**> = 90**	92	Đạt
	b) Hằng năm, số TCCSĐ hoàn thành tốt nhiệm vụ	*%*	**> = 90**	90	Đạt
	c) Hằng năm, số TCCSĐ không hoàn thành nhiệm vụ	*TCCSĐ*	**0**	6	Không đạt
25	Công tác tuyển chọn, gọi công dân nhập ngũ, giao quân hằng năm đạt chỉ tiêu giao	*%*	**100**	100	Đạt
	a) Xã, phường, thị trấn vững mạnh về quốc phòng, an ninh	*%*	**100**	100	Đạt
	b) Xã, phường, thị trấn vững mạnh toàn diện	*%*	**> 70**	76,76	Vượt

---